



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGƯ  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,  
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

**Số: HQ.3K.25.03129**

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:**

**Tên sản phẩm** : MULTI-ENZYME  
**Số lượng/ khối lượng** : 160 bao/ 4.000 kg  
**Hãng, nước sản xuất** : Mianyang Habio Bioengineering Co., Ltd, China

**Thuộc lô hàng nhập khẩu**

Hợp đồng số : VN-SA-ZAN-20250508 ngày 08/5/2025  
Hóa đơn số : VN-SA-ZAN-20250508 ngày 08/5/2025  
Vận đơn số : HHSE5060021  
Ngày sản xuất : 09/5/2025  
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 3345/HQ-GDK-TTKN ngày 15/05/2025  
(Mã hồ sơ: BNNPTNT29250035295)

**Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY TNHH SAGOPHAR**

Địa chỉ: 965/22/20 Quang Trung, Phường An Hội Tây,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHHCN  
ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT

**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**Quyết định chứng nhận**

Số: 1843 /QĐ-TTKN

Ngày 30 tháng 7 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Đã Thanh Tùng**



**BẢNG MÃ HOÁ MẪU PHÂN TÍCH**

**1. Mã hoá mẫu (trước khi gửi đi phân tích)**

| Doanh nghiệp/<br>ngày mã hoá          | Mã mẫu           | Quy chuẩn áp<br>dụng                                       | Tên sản phẩm/ chỉ tiêu phân tích |                                                                                                            | Ghi chú                        |
|---------------------------------------|------------------|------------------------------------------------------------|----------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|
|                                       |                  |                                                            | Tên sản<br>phẩm                  | Chỉ tiêu phân tích                                                                                         |                                |
| Công ty TNHH<br>Sagophar<br>19/7/2025 | 0725315/<br>HQP2 | Mục 2.2 bảng 2<br>QCVN 02 - 31 -<br>2:<br>2019/BNNPTN<br>T | MULTI-<br>ENZYME                 | Aflatoxin B1 (µkg)<br>Hg (mg/kg)<br>Cd (mg/kg)<br>Pd (mg/kg)<br>E. coli (CFU/g)<br>Salmonella<br>(CFU/25g) | <b>BNNPTNT2<br/>9250035295</b> |

**Bảng mã hoá này được lập thành 02 bản: 01 bản lưu tại cơ sở thực hiện mã hoá mẫu, 01 bản đính kèm Báo cáo đánh giá kết quả thử nghiệm**

**NGƯỜI LẬP MÃ HOÁ**



**Nguyễn Thế Linh**

**2. Gửi mẫu đến phòng thử nghiệm**

| Người thực hiện    | Đơn vị               | Thời gian ( ghi<br>rõ.... giờ,<br>ngày.../.../... | Phòng thí<br>nghiệm được<br>lựa chọn | Ghi chú |
|--------------------|----------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------|---------|
| Nguyễn Thế<br>Linh | Trung tâm Vùng<br>II | 17h30 ngày<br>19/7/2025                           | ASTAC                                |         |





TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
*ANALYTICAL REPORT*  
Số/No.: 9465/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Nguyễn Thế Linh  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản  
Mã số mẫu/Sample code : 264425071371  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 21/07/2025  
Ngày phân tích/Analysing date : 21/07/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup> | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|----------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| 0725315/HQV2                           | Aflatoxin B1                           | µg/kg<br>(LOQ=1)    | KPH                | TCVN 9126:2011                  |
|                                        | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | KPH                | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Cadimi (Cd)                            | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | KPH                | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | <0,05              | EN 16277:2012                   |
|                                        | Escherichia coli (*)(**)               | CFU/g               | <10                | TCVN 7924-2:2008                |
|                                        | Salmonella spp. (*)(**)                | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

*[Signature]*

Cần Thơ, ngày/date: 24/07/2025

**GIÁM ĐỐC/DIRECTOR**



**Nguyễn Đình Xuân Quý**

**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.

*[Signature]*